

TẾT LÀ GÌ

Tết là tên riêng (nom propre) gọi ngày lễ mừng đầu năm mới của rất nhiều dân tộc và sắc dân ở khắp miền Đông Nam Á, còn **tiết** chỉ là tên thường (nom commun) của Tàu gọi những thời tiết thay đổi trong một năm.

Chỉ có người Việt gọi là Tết, trong khi cả ngàn triệu người Tàu gọi ngày đó là **duyn tận** (nguyên đán) hay là **xin nển** (tân niên). Tại sao họ không gọi là Tết? Vì Tết không phải là tiếng của họ.

Giờ ta hãy trở lại với cái tên gọi là Tết. Có một cách hợp lý để tìm cho ra nguồn gốc của ngày Tết và ý nghĩa ấy. Hãy đi tìm trong tất cả các ngôn ngữ khác nhau ở miền Nam Á Châu xem thử có ngôn ngữ nào cũng có cái tên là Tết và cũng có cái cách phát âm, cách đọc, cách nói và cũng có cái nghĩa là ngày lễ ăn mừng đầu năm không, dù cho tiếng ấy không phải là tiếng Việt hay là tiếng Tàu? Nếu không có thì đành vậy chứ sao! Vậy mà có, mà lại có rất nhiều và giống gần y hệt, các bạn ơi!

Thật ra, cái miền rộng lớn Đông Nam Á cứ đều đều mỗi năm thì mùa gió đổi chiều và đem lại mùa mưa khoảng tháng tư tháng năm, tùy theo từng vùng gió mùa, trước hết là từ bờ biển phía Tây của lục địa Ấn Độ, chuyển dần qua ngang vùng đất Ấn Độ, tiếp tục lan qua phía Đông lần lượt đến các xứ Bangladesh, Assam, Miến Điện, Myanmar bây giờ, rồi thổi qua Thái Lan, Lào mà đến Việt Nam, rồi tiếp tục cùng lúc lên phía Đông Bắc là vùng Hoa Nam bên Tàu và xuống phía Đông Nam là 15,000 hòn đảo của Indonesia. Và cách đây cả chục ngàn năm, con người ở cái vùng gió mùa mênh mông ấy đã gọi là Tết cho cái hiện tượng trời đất gặp nhau qua mùa gió này và họ gọi cái lúc “giao mùa” đó bằng cái tên là Tết vì ai mà chẳng biết là không có mùa mưa đến thì kẻ như không trông trông gì được, hưởng chi là trông lúa.

Đông Nam Á là vùng của gió mùa mưa mùa, của mấy chục triệu con trâu, của mấy trăm triệu con người sống với cây lúa, nơi mà những hạt lúa giống *oriza sativa* đã được tìm ra từ 6,000 năm trước (tài liệu của ông William Solzheim, đại học Hawaii). Gió mùa và mưa mùa là quyết định dứt khoát của đất trời cho con người ở Đông Nam Á. Khi mưa gió không thuận hoà thì hạn hán và đói kém sẽ bao trùm, cuồng phong và lụt lội sẽ tàn phá hàng trăm ngàn mẫu ruộng lúa và giết hại hàng ngàn người.

Nông nghiệp và sự sống còn của hàng chục triệu người hoàn toàn tùy thuộc vào cái ân huệ vừa phải của mùa mưa đến hàng năm trên cái phần đất mênh mông này!

Gió mưa đầu mùa là hứa hẹn của năm mới, của một đời sống mới, được chờ đợi khoắc khoải và đón mừng hân hoan, và triền miên có mặt trong mọi lãnh vực tin tưởng, huyền thoại hay tâm linh, và cái thực tế của đời sống hàng ngày của người đi cày đi cấy cũng gắn liền với bao nhiêu cái tin tưởng đó.

Trên những trống đồng từ ba ngàn năm trước, mấy con ếch, cóc, nhái, ễnh ương, ệnh oang nằm chồng lên nhau, mỗi góc trống ba con, như một ám ảnh không ngừng về mùa mưa, về ruộng đồng, ao hồ, sông nước, về bất cứ mảnh đất nào mà cây lúa có thể mọc lên. Biết bao nhiêu ca dao, tục ngữ, bài vè nói về mùa mưa, về lúa gạo, về ếch nhái và về ngày Tết trong tiếng Việt.

Ở xứ Nepal bên Đông Bắc Ấn Độ, ngày lễ đầu mùa mưa cũng gọi là **Teetj**. Trong mấy ngày đó, người dân bản xứ ăn mừng, ca hát, nhảy múa, đánh đu, uống rượu, tạt nước vào nhau để chúc mừng, chúc lành cho nhau, chúc **Teetj**. Chung quanh xứ Nepal như ở Sikkhim và Bhutan, dân ở đó cũng gọi ngày đầu mùa mưa là **Tiitj**.

Bên Miến Điện và Thái Lan thì tha hồ xịt nước, tạt nước nhau ướt mềm vào ngày đó. Năm 1986, tôi qua học tiếng Mon bên Thái Lan, gặp ngày lễ **Song khrañ** (ngày tết âm lịch cổ truyền của dân Thái xưa, có nghĩa là giao mùa), trùng với mùa lễ **Tếtj**, vào ngày 13 đến 15 tháng tư của năm dương lịch, bị một cô người Thái ở đền Nakhon Pathom lén bỏ một cục nước đá vào cổ áo sơ mi của tôi lọt xuống lưng lạnh ngắt, cô ấy cười xin lỗi và nói là muốn chúc tết bất ngờ cho tôi theo kiểu tạt nước vào nhau của họ!

Người Lào Thái còn gọi ngày ấy là **wan pi** may/ngày năm mới. Người dân Kampuchia thì gọi ngày đó là **thngày chul thnăñ chmây**/ngày vào năm mới (trong lịch cũ của họ thì họ gọi tháng giêng là khae Chêt/tháng tết). Người Chăm thì gọi là **bulan Chit**/tháng tết.

Các dân tộc mạn ngược ngoài Bắc Việt, cũng như nhiều dân tộc miền núi ở Trung Việt, vẫn có ăn mừng hội mùa mưa, hội ngày mùa còn lớn hơn cả hội mùa xuân (theo tài liệu của ông Nguyễn Văn Huyền “Les Chants Alternés Des Garçons et Des Filles en Annam/1934”).



Kể từ khi Tàu qua đô hộ Giao Chỉ cách đây 2000 năm thì người Giao Chỉ không còn ăn tết vào tháng tư tháng năm của lịch Mường xưa “lịch ngày lui tháng tới” đó nữa mà ăn Tết theo lịch Tàu, mà lịch Tàu hồi xưa thì cũng “bất thùng chi thành”, khi thì ngày đầu năm của Tàu rớt vào tháng chạp, khi thì nhằm vào tháng giêng của họ, và sau nhiều thay đổi mới gọi là ngày **duyên tán xin nển**, chứ Tàu không gọi ngày đầu năm của họ là **tiết nhật** (sic) bao giờ cả.

Chỉ có vài ông Hán Việt “chợ chiều” cứ khur khur tìm cho được một cái âm hưởng Tàu cho tiếng Tết, nên cố tình gượng gạo mà ép cho nó là **tiết**, cũng như họ đã giải thích kiểu tầm phào là **Giao Chỉ** là ngón chân giao nhau (nói tầm bậy!). Lạc là chim lạc, ghe **chài** là ghe **tải** @ Lê Ngọc Trụ. Trời đất!

Sau đây là những từ đồng nguyên (cognates) khắp Đông Nam Á, dính líu với Tết.

Alexandre de Rhodes : Tết	Tết năm (sic), Tết ai, ăn Tết
Từ Điển Khai Trí Tiến Đức	không hề cho rằng Tết là khoảng tiết của Tàu
Nùng: Tết	Tết
niên Tết	năm Tết
Chàm: Bǎng Tít	ăn Tết (bǎng là ăn)
Tít	Tết (lễ tháng 5 của lịch Chàm)
bùlǎn Chêt	tháng Tết
Khmer: Chêtr	lễ tháng 5 (lịch xưa của Khmer) tháng gió mùa bắt đầu thổi ngược lại tháng của mùa gió Nồm ở Đông Nam Á tháng của mùa mưa đến trên lục địa Ấn và miền Đông Nam Á
	<i>(Tùy theo vị trí từng nước, mưa đến với gió mùa từ cuối tháng tư đến cuối tháng năm). Tên tháng 4 và tháng 5 của lịch Ấn xưa</i>
khæe Chêt	tháng Tết (tháng 4 dương lịch)
khæe là tháng	tháng Tết Khmer khoảng 13 tháng 4 dương lịch, khoảng 23 tháng ba âm

	lịch
Chết khal	thời gian có lễ Tết ấy (khal là thời gian, lúc, khi)
Thái: Thết, Thết khal	mùa Tết, những ngày Tết (annual Thết celebration /New Year propitious ritual)
Thết Thày	Tết Thái (Thái New Year ritual celebration)
Tréts	Tết (trong từ điển Francais–Thái của Pallegoix)
Tréts chèn	Chinese New Year [chèn , tiếng Thái gọi người Tàu]
Chêtr	Fifth lunar month # mid–April
Trôts	Lễ hội đầu mùa mưa của lịch Thái xưa, cuối tháng 4 và 5
Trôts farăng	dịch là Tết Hoa Lang (Western New Year)
	Chú ý: farăng # Hoa Lang # occidental, western (do đó mà có cái tên xưa đạo Hoa Lang # đạo Thiên Chúa).
Zhuang: SIT	Tết của người Zhuang bên Quảng Tây, một bộ tộc thuộc dòng Tai, đông đến 25 triệu người, nói tiếng Thái xưa.
đuon Sit	tháng Tết (yearly Monsoon festival, a ritual celebration)
Mon: k– Têh	first days of Mon New Year
Nepal: Teej (Teetj Brata)	lễ đầu năm của người Nepal theo báo Người Việt, ngày 9 tháng 10 năm 1992, số 305)
Mustang: Tij, Tiji	ngày lễ mùa mưa đến (xứ Mustang ở sát với Nepal)
Đông Bắc Ấn Độ: Teej	Monsoon festival (theo National Geographic thì swinging in celebration, village girls sing the ancient melodies of Teej, the festival marking the return of the monsoon and the promise of prosperity).

Sau cùng, cái cú dút điếm (knock–out punch) chấm dứt cái quan niệm sai lầm 2100 năm hơn của chúng ta là cú (coup) này: chính Khổng Tử cũng không hề nói Tết là do tiết mà ra! Ông nói rằng: “*Ta không biết Tết là gì! Nghe đâu đó là một ngày lễ hội lớn của bọn người Man (sic). Họ nhẩy múa như điên, uống rượu và ăn chơi vào những ngày đó mà không phải là những ngày đầu năm của chúng ta. Nghe đâu họ gọi là Tê–sạ.*” (sic) (theo kinh Lễ Ký) @ Edward Shafer/Ancient China.

Khổng Tử không nghĩ rằng tiết là cái âm sinh ra Tết, nên ông mới phiên âm khác đi là Tê–Sạ. Hơn nữa, có cả chục ngôn ngữ và nền văn hóa khác với Tàu ăn mừng ngày đầu năm của họ và vẫn mang những cái tên mà ý nghĩa và phát âm, cách nói và đọc đều giống với cái âm, cái tên, cái tiếng Tết của dân Giao Chỉ và của dân Mường, nên ta phải suy nghĩ lại về cái hiểu lầm Tết khoảng Tiết của hơn 2000 năm qua.

Như vậy, tết là tên gọi ngày ăn mừng đầu mùa mưa và sau này trở thành ngày ăn mừng đầu năm âm lịch luôn của các dân Mường, Nùng, Thái, Zhuang, Chăm, Mon, Khmer, vùng Đông Bắc Ấn Độ, Nepal, Mustang, Munda. Hỏi nhỏ bạn, bạn có còn cho rằng Tết là tiết của Tàu mà ra không?

Bác sĩ Nguyễn Hy Vọng



Tài liệu tham khảo

- A Dictionary of the Mon Inscriptions, HL Shorto, London 1971*
A Grammar of the Khasi Language (Rev. H. Roberts/London)
Ancient China, Howard Edward H. Shafer/Time Life, New York
Ancient China, Maurizio Scarpari/Barnes Noble, Italy
Dictionary Lingua Thai, Pellegoix PL 4186 PS 1854 a 1972
*English–Hmong Dictionary, Lang Siong & Joua Siong, Nao Leng Siong
PL 4072 4X/1984*
Excerpts from Britannica, 1999
*Introduction to Sino Tibetan (Shafer 1966 – Wiesbaden
Germany PL 3521, S, Kegan Paul Trench Hubner and Co., Ltd.,) Pater Noster
House, Charing Cross Road, 1891*
Lao–English Dictionary, Russell Marcus, Japan 1975
Studies in Munda Linguistics, Sudhibushan Batacharya/Simla, Calcutta, 1975
Thai Dictionary, Mary Haaj, Stanford, California 1964
The Languages of China Before the Chinese, Terrien de Lacouperie, London 1887, Taipei 1966



Nguồn: Internet eMail by Suong Lam Tran chuyển

Đăng ngày Thứ Bảy, January 29, 2022
Cập nhật ngày Thứ Sáu, January 26, 2024 – Thêm ảnh
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A–72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH